

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/07/2021.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, viết tắt là HFC., CORP

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2021: 81.981.050.000 đồng
(*Bằng chữ: Tám mươi một tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng.*)

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCom với mã HFC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3, Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Hữu Yên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Trần Bá Hóa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Bà Phạm Thị Liên Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Bà Đậu Ngọc Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Cán Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Yên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Yên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 156/2022/BCKT- CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo thuyết minh số 5.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Các khoản nợ phải thu quá hạn chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm 31/12/2021 với số tiền: 14.303.511.808 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác đối với các khoản phải thu này, tuy nhiên chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng tin cậy và hợp lý để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đúng đắn của số dư khoản phải thu nêu trên, cũng như đánh giá được khả năng thu hồi và xem xét việc trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi (nếu có) được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		220.480.578.355	240.216.712.245
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.343.060.195	8.098.558.405
1. Tiền	111		15.343.060.195	8.098.558.405
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.294.921.609	220.661.340.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	178.768.735.023	213.297.253.355
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.536.325.313	1.342.267.048
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	11.989.861.273	6.021.819.659
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	11.971.280.050	10.492.378.320
1. Hàng tồn kho	141		11.971.280.050	10.492.378.320
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		871.316.501	964.435.458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	868.589.043	952.833.070
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		241.182	98.182
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	2.486.276	11.504.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		79.398.313.248	103.913.431.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.440.000	6.940.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	6.440.000	6.940.000
II. Tài sản cố định	220		39.673.247.123	51.087.802.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	33.210.637.123	44.445.684.880
<i>Nguyên giá</i>	222		77.521.666.354	84.621.548.627
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.311.029.231)	(40.175.863.747)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.462.610.000	6.642.118.000
<i>Nguyên giá</i>	228		10.637.756.591	10.637.756.591
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.175.146.591)	(3.995.638.591)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	15.685.116.994	16.344.602.095
<i>Nguyên giá</i>	231		19.589.702.898	19.589.702.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(3.904.585.904)	(3.245.100.803)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.492.237.560	13.394.186.950
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	8.492.237.560	13.394.186.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	-	5.174.793.474
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		-	5.174.793.474
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.541.271.571	17.905.105.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	15.541.271.571	17.905.105.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		299.878.891.603	344.130.143.545

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		225.125.084.207	286.942.744.373
I. Nợ ngắn hạn	310		222.968.902.300	263.785.679.197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	53.076.761.689	80.579.796.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	664.788.558	363.296.386
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.984.530.322	1.179.677.749
4. Phải trả người lao động	314		1.897.460.423	4.509.644.287
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	505.276.230	1.294.790.646
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	395.303.060
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	9.657.571.446	5.879.656.913
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	154.700.000.000	169.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		482.513.632	583.513.632
II. Nợ dài hạn	330		2.156.181.907	23.157.065.176
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	3.068.843.158	3.377.387.096
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	2.236.060.008
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.18	-	17.427.700.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		(912.661.251)	115.918.072
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		74.753.807.396	57.187.399.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	74.753.807.396	57.187.399.172
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		81.981.050.000	64.553.350.000
<i>CP phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		81.981.050.000	64.553.350.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.725.583	29.725.583
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.803.421.932)	(7.756.993.557)
<i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(14.504.802.691)	(2.761.326.570)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		6.701.380.759	(4.995.666.987)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		546.453.745	361.317.146
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		299.878.891.603	344.130.143.545

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lương

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.513.258.651.834	1.479.616.383.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	1.513.258.651.834	1.479.616.383.372
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.431.658.694.450	1.389.955.023.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		81.599.957.384	89.661.359.454
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.054.465.453	11.199.452
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.482.635.124	12.757.113.720
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.847.635.119	11.975.757.552
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	209.256.324
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	43.366.134.202	51.549.992.424
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.387.467.568	30.176.443.182
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		2.418.185.943	(4.601.734.096)
12. Thu nhập khác	31		5.543.974.870	1.435.037.505
13. Chi phí khác	32		4.425.609.080	2.448.426.273
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	1.118.365.789	(1.013.388.768)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.536.551.732	(5.615.122.863)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.307.166.506	2.429.506.570
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(912.661.251)	115.918.072
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.142.046.477	(8.160.547.506)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.956.909.877	(8.090.372.889)
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		185.136.599	(70.174.617)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	389,00	(1.253,28)

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lương

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.536.551.732	(5.615.122.863)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		8.950.870.816	9.854.772.554
- Các khoản dự phòng	03		-	(579.590.362)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.069.465.453)	(11.199.497)
- Chi phí lãi vay	06		9.847.635.119	11.975.757.552
- Các khoản điều chỉnh khác	07		54.545.455	-
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>21.320.137.669</i>	<i>15.624.617.384</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.690.256.366)	29.991.973.733
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.649.276.559	(5.402.622.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		48.652.828.055	(25.269.777.813)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.420.710.864)	(1.600.848.677)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.720.958.410)	(11.824.790.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(206.432.743)	(2.369.212.836)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		272.727.273	2.356.624.892
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.410.340.925)	(2.148.997.454)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>23.446.270.248</i>	<i>(643.034.630)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(561.000.000)	(1.359.799.902)
2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		800.400.000	1.580.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		94.891.550	11.199.452
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>334.291.550</i>	<i>231.899.550</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		669.600.000.000	671.427.700.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(686.136.060.008)	(676.395.619.996)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(16.536.060.008)</i>	<i>(4.967.919.996)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.244.501.790	(5.379.055.076)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.098.558.405	13.477.613.481
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	15.343.060.195	8.098.558.405

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Lan

Nguyễn Công Lương

Nguyễn Hữu Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/07/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/07/2021: 81.981.050.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi một tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn Upcom với mã HFC.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Đại lý bảo hiểm;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
-

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu các loại, vận tải đường bộ và dịch vụ ăn uống, cho thuê bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Hải Phòng	Km 2 đường 356, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
2.	Chi nhánh Nghệ An	Xóm Bắc Sơn 1, xã Nghi Quang, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
3.	Chi nhánh Thái Nguyên	Số nhà 68A, tổ 4, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con sau:

Tên Công ty, đơn vị	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,2%	89,2%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	100%	100%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014;

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo quy định Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty Mẹ với các Công ty con và giữa các Công ty con cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty có các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác như sau:

{1}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ký ngày 18/10/2014 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Parus về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại bến đỗ xe kết hợp trạm trung chuyển Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội.

- Thời hạn hợp tác: 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Tỷ lệ góp của các bên như sau: Bên A: 28%, Bên B: 51% và Bên C: 21%.

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, các bên thống nhất riêng Bên A và Bên C được hưởng lợi nhuận tối thiểu hàng năm (của Bên A là: 307.000.000 đồng, Bên C là: 230.000.000 đồng) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

{2}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/TRANSERCO-HFC-TL ký ngày 07/7/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng 89 về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại Dự án xây dựng bãi đỗ xe công cộng kết hợp trồng cây xanh tại xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 31/12/2018 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/TRANSERCO-HFC-TL ký ngày 07/7/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên.

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 4.502 m² có vị trí giáp mặt đường Phan Trọng Tuệ. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động.
- Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 500 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

{3}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Zenit Việt Nam về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu trên một phần diện tích đất có vị trí giáp mặt đường Trần Vĩ. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 18/4/2019 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Tiếp theo)

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
 - Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 1.423 m² có vị trí giáp mặt đường Trần Vĩ. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động.
 - Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72%. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 325 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.
- {4}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Zenit Việt Nam về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu trên một phần diện tích đất có vị trí giáp mặt đường ngõ 196 Hồ Tùng Mậu. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 18/4/2019 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên.
- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
 - Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 903 m² có vị trí giáp mặt đường ngõ 196 Hồ Tùng Mậu. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động
 - Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72%. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 200 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.
- {5}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 115/2015/HĐ-VNLHP ký ngày 28/08/2015, giữa các bên như sau: Bên A: Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về việc: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại dự án kho bãi Vinalines tại phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
 - Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 4.100m² thuộc dự án kho bãi container do Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam quản lý, Bên B góp bằng các tài sản cố định đã đầu tư trên diện tích đất nêu trên (có xác nhận của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam), Bên C tiếp tục bỏ các chi phí đầu tư để hoàn thiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
 - Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, các Bên thống nhất Bên A và Bên B được hưởng lợi nhuận cố định hàng năm (Bên A là: 1.056.000.000 đồng), mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác. Sau 03 năm một lần, khoản lợi nhuận chia cho Bên A sẽ được điều chỉnh tăng không thấp hơn 7% so với mức chia lợi nhuận kỳ trước đó.
- {6}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ký ngày 16/9/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Bên A: Công ty Cổ phần Transmedia và Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về việc: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 1 và Mai Dịch 2 tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Thời hạn hợp tác: 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
 - Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 1.423 m² thuộc quyền quản lý của Bên A, Bên B tiếp tục bỏ các chi phí đầu tư để hoàn thiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, Bên B đảm bảo mức lợi nhuận tối thiểu hàng năm trả cho Bên A là: 292.000.000 đồng mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

Số năm
05 - 40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán dựa trên thời gian phân bổ còn lại và được phân bổ từ 01 năm đến 02 năm căn cứ vào thời gian đem lại lợi ích kinh tế.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán về vốn hóa chi phí đi vay. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, tiền thuê đất phải trả được trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Các chi phí bảo hiểm và chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập hiện hành đang áp dụng là 20%.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và dịch vụ khác (nhà hàng, cho thuê văn phòng) và tổ chức các bộ phận kinh doanh tương ứng với lĩnh vực hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và chỉ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	8.181.662.472	2.725.394.516
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	7.159.200.850	5.372.977.344
Tiền đang chuyển (VND)	2.196.873	186.545
Tổng	15.343.060.195	8.098.558.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	20.014.102.580	24.432.671.990
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	8.438.349.540	10.666.150.660
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	11.572.844.130	15.626.130.240
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	2.680.707.130	7.741.148.920
Công ty CP xe khách Hà Nội	3.401.211.320	4.780.174.820
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT Vận tải Hà Nội	6.450.764.650	10.992.307.060
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia (i)	4.110.670.609	4.110.670.609
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An (i)	2.016.414.100	2.016.414.100
Công ty TNHH Tín Phát- Hải Phòng (i)	1.740.009.569	1.770.009.569
Công ty TNHH Vận tải Nam Anh (i)	1.355.417.530	1.355.417.530
Bà Nguyễn Thị Hòa (i)	5.081.000.000	4.301.000.000
Công ty CP Thương mại Việt Nga	1.497.400.805	1.512.549.315
Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội	2.919.436.300	5.333.245.299
Trung tâm Tân Đạt - CN TCT Vận tải Hà Nội	3.269.457.660	4.310.519.510
XN xe buýt Yên Viên - CN TCT Vận tải HN	2.884.661.540	6.201.421.220
XN xe buýt nhanh BRT - CN TCT Vận tải HN	7.843.196.170	9.460.847.280
Công ty CP XD và Vận tải Minh Nguyễn	2.354.276.666	2.694.276.666
Công ty CP DVTM và Vận tải Thùy Dương	1.589.074.210	1.833.395.300
Đỗ Văn Huy	5.882.825.000	-
Phải thu các khách hàng khác	83.666.915.514	94.158.903.267
Tổng	178.768.735.023	213.297.253.355
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>3.401.211.320</i>	<i>4.780.174.820</i>

(i): Các khoản nợ quá hạn thanh toán, chưa đánh giá được khả năng thu hồi.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP XD Công nghệ & MT Quang Minh	150.840.000	150.840.000
Công ty CP BKAV	-	100.000.000
Công ty CP Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần ô tô Vũ Linh	610.000.000	-
Công ty TNHH Hải Linh	209.875.325	-
Các đối tượng khác	165.609.988	691.427.048
Tổng	1.536.325.313	1.342.267.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	11.989.861.273	-	6.021.819.659	-
Tạm ứng	2.408.486.946	-	4.267.788.625	-
Phải thu khác	4.498.306.130	-	1.754.031.034	-
Ký quỹ, ký cược	5.083.068.197	-	-	-
b) Dài hạn	6.440.000	-	6.940.000	-
Ký quỹ, ký cược	6.440.000	-	6.940.000	-
Tổng	11.996.301.273	-	6.028.759.659	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	110.668.250	-	94.185.759	-
Công cụ dụng cụ	1.348.629.332	-	1.290.600.226	-
Thành phẩm	-	-	160.000	-
Hàng hóa	10.462.904.680	-	9.107.432.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.077.788	-	-	-
Tổng	11.971.280.050	-	10.492.378.320	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	868.589.043	952.833.070
Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa, chi phí khác	868.589.043	952.833.070
b) Dài hạn	15.541.271.571	17.905.105.901
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cắm, Nghệ An và các chi phí khác	-	1.515.237.114
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ tại Hà Nội và các chi phí khác	7.798.236.784	6.923.140.466
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	7.743.034.787	9.026.582.285
Chi phí chờ phân bổ khác	-	440.146.036
Tổng	16.409.860.614	18.857.938.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư ngày 01/01/2021	41.173.141.310	18.402.661.590	20.459.972.271	4.585.773.456	84.621.548.627
- Mua sắm	-	510.000.000	-	-	510.000.000
- Đầu tư XD CB	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.632.300.000)	(5.977.582.273)	-	(7.609.882.273)
Số dư ngày 31/12/2021	41.173.141.310	17.280.361.590	14.482.389.998	4.585.773.456	77.521.666.354
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư ngày 01/01/2021	12.199.067.779	12.153.214.892	12.693.848.323	3.129.732.753	40.175.863.747
- Khấu hao trong năm	2.808.179.908	2.580.933.841	2.192.598.943	530.165.024	8.111.877.716
- Thanh lý, nhượng bán	-	(970.766.665)	(3.005.945.567)	-	(3.976.712.232)
Số dư ngày 31/12/2021	15.007.247.687	13.763.382.068	11.880.501.699	3.659.897.777	44.311.029.231
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	28.974.073.531	6.249.446.698	7.766.123.948	1.456.040.703	44.445.684.880
Tại ngày 31/12/2021	26.165.893.623	3.516.979.522	2.601.888.299	925.875.679	33.210.637.123

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại 31/12/2021: 9.691.071.773 đồng (tại 31/12/2020: 12.647.574.228 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 9.464.488.857 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 10.402.136.426 đồng do phân loại lại Tài sản cố định hữu hình sang Bất động sản đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư ngày 01/01/2021	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư ngày 01/01/2021	2.333.454.591	1.610.884.000	51.300.000	3.995.638.591
- Khấu hao trong năm	179.508.000	-	-	179.508.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	2.512.962.591	1.610.884.000	51.300.000	4.175.146.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư ngày 01/01/2021	6.642.118.000	-	-	6.642.118.000
Số dư ngày 31/12/2021	6.462.610.000	-	-	6.462.610.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.662.184.000 đồng (tại ngày 31/12/2020: 1.662.184.000 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 6.462.610.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 6.642.118.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư cho thuê	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
NGUYÊN GIÁ	19.589.702.898	-	-	19.589.702.898
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	1.915.230.967	-	-	1.915.230.967
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	5.172.118.006	-	-	5.172.118.006
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	10.033.832.215	-	-	10.033.832.215
GIÁ TRỊ HAO MÒN	3.245.100.803	659.485.101	-	3.904.585.904
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	766.540.330	49.943.082	-	816.483.412
VP 456 Trần Khát Chân	1.032.238.401	70.571.400	-	1.102.809.801
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	80.276.776	137.617.330	-	217.894.106
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	635.476.041	401.353.289	-	1.036.829.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	16.344.602.095	-	-	15.685.116.994
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	1.148.690.637	-	-	1.098.747.555
VP 456 Trần Khát Chân	705.714.054	-	-	635.142.654
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	5.091.841.230	-	-	4.954.223.900
Quầy Kios	-	-	-	-
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	9.398.356.174	-	-	8.997.002.885

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm lần lượt là 3.228.484.848 VND và 4.009.903.085 VND.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại 31/12/2021 là 14.586.369.439 VND (tại 31/12/2020 là: 15.195.911.458 VND).

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 730.569.255 VND (tại 31/12/2020 là: 730.569.255 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định và kế toán giá trị hợp lý bất động sản đầu tư, do đó Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án 64 đường Láng	-	-	4.939.927.572	4.939.927.572
Dự án số 1 Đông Tác (i)	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên (i)	684.964.224	684.964.224	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai (i)	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Đồng Tháp	6.489.667.442	6.489.667.442	6.489.667.442	6.489.667.442
Dự án khác (i)	558.555.909	558.555.909	558.555.909	558.555.909
Tổng	8.492.237.560	8.492.237.560	13.394.186.950	13.394.186.950

(i): Dự án đang trong quá trình xin cấp phép xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	5.174.793.474
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (1)	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	5.174.793.474

(1) Nghị Quyết số 76.2/2021/NQ/HFC-HĐQT ngày 21/10/2021 thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội với yêu cầu không lỗ so với giá trị đã đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Xăng dầu Khu vực I	35.972.291.469	35.972.291.469	53.911.061.784	53.911.061.784
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hoàng Trọng	8.459.329.662	8.459.329.662	6.596.259.723	6.596.259.723
Công ty TNHH LPK	4.951.339.285	4.951.339.285	7.799.906.710	7.799.906.710
Công Ty TNHH Hải Linh	-	-	6.278.727.320	6.278.727.320
Phải trả các đối tượng khác	3.693.801.273	3.693.801.273	5.993.840.987	5.993.840.987
Tổng	53.076.761.689	53.076.761.689	80.579.796.524	80.579.796.524
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>35.972.291.469</i>	<i>35.972.291.469</i>	<i>53.911.061.784</i>	<i>53.911.061.784</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Lotte Rent - A -Car - Vina	253.312.624	60.855.400
Công ty TNHH A Sóc	-	4.209.114
Công ty TNHH chuyển phát nhanh DHL	-	27.244.917
Công ty TNHH TM Tùng Bách	45.839.796	79.145.506
Các đối tượng khác	365.636.138	191.841.449
Tổng	664.788.558	363.296.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/01/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	943.980.545	7.586.626.743	7.748.815.418	-	781.791.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.138.487	6.433.807	1.307.166.506	206.432.743	-	1.097.029.083
Thuế thu nhập cá nhân	1.365.719	229.263.397	826.258.422	950.933.006	2.486.276	105.709.369
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.250.831.524	4.250.831.524	-	-
Thuế Môn bài	-	-	28.000.000	28.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.075.532	18.075.532	-	-
Tổng	11.504.206	1.179.677.749	14.016.958.727	13.203.088.223	2.486.276	1.984.530.322

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	121.471.230	217.863.014
Chi phí phải trả khác	383.805.000	1.076.927.632
Tổng	505.276.230	1.294.790.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Các khoản phải trả khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Phải trả, phải nộp ngắn hạn	9.657.571.446	5.879.656.913
Kinh phí công đoàn	345.494.610	458.001.620
BHXX, BHYT, BHTN	3.602.974	4.581.480
Các khoản phải trả khác	9.308.473.862	5.417.073.813
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.875.000.000</i>
<i>Công ty CP Transmedia (**)</i>	<i>2.190.000.000</i>	<i>2.190.000.000</i>
<i>Nguyễn Thị Kiều Nga</i>	<i>4.595.671.232</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>311.337.430</i>	<i>1.015.608.613</i>
b) Phải trả, phải nộp dài hạn	3.068.843.158	3.377.387.096
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.068.843.158	3.377.387.096
Tổng	<u>12.726.414.604</u>	<u>9.257.044.009</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Yên Viên - Gia Lâm.

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/9/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 1; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

	01/01/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	169.000.000.000	169.000.000.000	669.600.000.000	683.900.000.000	154.700.000.000	154.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hoàn Kiếm (1)	54.000.000.000	54.000.000.000	359.000.000.000	333.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (2)	115.000.000.000	115.000.000.000	288.000.000.000	340.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hà Nội (3)	-	-	22.600.000.000	10.900.000.000	11.700.000.000	11.700.000.000
b) Vay dài hạn	2.236.060.008	2.236.060.008	-	2.236.060.008	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	796.060.008	796.060.008	-	796.060.008	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Đông Đô	1.440.000.000	1.440.000.000	-	1.440.000.000	-	-
Tổng	171.236.060.008	171.236.060.008	669.600.000.000	686.136.060.008	154.700.000.000	154.700.000.000

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 108/HTTD/2021-HĐCVHM/NHCT122-HFC ngày 16/8/2021. Hạn mức tín dụng: Tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 80 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 16/8/2021 đến hết ngày 31/7/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thi Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 225736, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ-1279 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 12/11/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số **B 09-DN/HN**
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CD 824598, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT- DA00207 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 15/4/2016.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/4818668/2021/HĐTD ngày 15/9/2021, hạn mức vay 180 tỷ VND. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký đến ngày 15/09/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu tài sản và nhà ở gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 225735, tờ bản đồ số 00, địa chỉ số 07 Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ-1278 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2009.
 - Tài sản gắn liền với đất là Cửa hàng kinh doanh và văn phòng cho thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI225576, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ-1169, cấp theo Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của UBND thành phố Hà Nội tại địa chỉ số 456 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị tại địa chỉ số 436 - 438 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI225575 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29/4/2009.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10499/21MB/HĐTD ngày 28/7/2021. Hạn mức tín dụng: không vượt quá 50 tỷ VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày 28/07/2021 đến ngày 28/7/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại số 249 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BD 985326
 - Máy móc thiết bị tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tam Đa: Cột bơm XD điện tử TATSUNO kép Tam Đa, Cột bơm XD Sunny XE Nhật -cột kép 3 pha 40L/p- CH Tam Đa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Trái phiếu chuyển đổi

Thông tin về phát hành trái phiếu chuyển đổi

Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 thông qua ngày 13/4/2019; Nghị quyết HĐQT số 53/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 18/12/2019 về việc thông qua phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp ngày 10/2/2020.

- Ngày bắt đầu chào bán: 01/3/2020
- Ngày kết thúc chào bán: 30/3/2020
- Ngày đáo hạn: 30/03/2021
- Tỷ lệ chuyển đổi 1:10: Một trái phiếu chuyển đổi sẽ được tự động chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông khi trái phiếu đáo hạn.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu.

Trái phiếu phát hành

- a) Trái phiếu thường
- b) Trái phiếu chuyển đổi

Tổng

Số lượng phát hành	Mệnh giá trái phiếu (VND)	Giá trị phát hành (VND)	Lãi suất (%)	Thời gian đáo hạn
174.277	100.000	17.427.700.000	0%	30/3/2021
174.277		17.427.700.000		

Tăng, giảm trái phiếu chuyển đổi

Năm 2021		Năm 2020	
Số lượng phát hành	Giá trị (VND)	Số lượng phát hành	Giá trị (VND)
174.277	17.427.700.000		
-	-	174.277	17.427.700.000
174.277	17.427.700.000	-	-
-	-	-	-
-	-	174.277	17.427.700.000

Trái phiếu tại thời điểm đầu năm

- Trái phiếu phát hành trong năm
- Trái phiếu chuyển đổi đã được chuyển thành cổ phiếu trong năm
- Trái phiếu chuyển đổi đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong năm
- Trái phiếu tại thời điểm cuối năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Trái phiếu chuyển đổi (Tiếp theo)

Chi tiết danh sách các nhà đầu tư trái phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	-	2.948.300.000
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Bình Minh	-	973.400.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển vận tải Đô thị	-	861.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	-	867.600.000
Nguyễn Trọng Hậu	-	1.850.500.000
Nguyễn Phi Thái	-	162.100.000
Vũ Thị Minh Hồng	-	907.800.000
Đoàn Thái Bình	-	884.400.000
Các nhà đầu tư khác	-	7.972.600.000
Tổng	-	17.427.700.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

a) Biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND	
						Tổng
Số dư tại 01/01/2020	64.553.350.000	29.725.583	2.627.647.229	431.491.762		67.642.214.574
Lỗ trong năm trước	-	-	(8.090.372.889)	-		(8.090.372.889)
Tăng khác trong năm trước	-	-	615.732.103	-		615.732.103
Trả lãi liên doanh liên kết	-	-	(2.910.000.000)	-		(2.910.000.000)
Lợi ích CĐ không kiểm soát	-	-	-	(70.174.616)		(70.174.616)
Số dư tại 31/12/2020	64.553.350.000	29.725.583	(7.756.993.557)	361.317.146		57.187.399.172
Số dư tại 01/01/2021	64.553.350.000	29.725.583	(7.756.993.557)	361.317.146		57.187.399.172
Lãi trong năm nay	-	-	2.956.909.877	-		2.956.909.877
Tăng vốn (i)	17.427.700.000	-	-	-		17.427.700.000
Tăng khác trong năm nay	-	-	115.918.072	-		115.918.072
Giảm khác trong năm nay	-	-	(209.256.325)	-		(209.256.325)
Trả lãi liên doanh liên kết (ii)	-	-	(2.910.000.000)	-		(2.910.000.000)
Lợi ích CĐ không kiểm soát	-	-	-	185.136.600		185.136.600
Số dư tại 31/12/2021	81.981.050.000	29.725.583	(7.803.421.932)	546.453.745		74.753.807.396

(i) Nghị quyết số 06/2021/QĐ/HFC-HĐQT ngày 07/04/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung chứng khoán số 04/210/GCNCNP-VSD-4 ngày 06/05/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số lượng chứng khoán bổ sung: 1.742.770 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(ii) Khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải chia cho các đối tác (được thuyết minh tại Mục 4 - Chính sách kế toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh).

Chi tiết khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải chia (trước thuế thu nhập doanh nghiệp) cho các đối tác theo quy định tại các Hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2021 như sau:

- Trung tâm thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội: 1.332.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Transmedia: 292.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Parus: 230.000.000 đồng.
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng: 1.056.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	12.464.450.000	9.516.150.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	7.823.390.000	5.972.890.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	4.115.240.000	-
Các cổ đông khác	57.577.970.000	49.064.310.000
Tổng	81.981.050.000	64.553.350.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	64.553.350.000	64.553.350.000
Vốn góp tăng trong năm	17.427.700.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	81.981.050.000	64.553.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.198.105	6.455.335
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.198.105	6.455.335
Cổ phiếu phổ thông	8.198.105	6.455.335
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.198.105	6.455.335
Cổ phiếu phổ thông	8.198.105	6.455.335
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán xăng, dầu	1.510.401.255.415	1.474.438.083.082
Doanh thu dịch vụ ăn uống	-	883.770.050
Doanh thu vận tải	50.988.543	103.077.727
Doanh thu cho thuê BĐS và hàng hóa khác	2.806.407.876	4.191.452.513
Tổng	1.513.258.651.834	1.479.616.383.372
<i>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>7.503.206.636</i>	<i>7.980.291.109</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa xăng, dầu	1.422.548.429.920	1.386.203.775.083
Giá vốn dịch vụ ăn uống	38.765.774	789.578.799
Giá vốn vận tải	5.464.482.696	402.158.622
Giá vốn cho thuê BĐS và hàng hóa khác	3.607.016.060	2.559.511.414
Tổng	1.431.658.694.450	1.389.955.023.918
<i>Trong đó: Giá vốn với bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>1.091.012.344.809</i>	<i>1.037.481.739.222</i>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	137.177.603	11.199.452
Lãi chuyển nhượng cổ phần	917.287.850	-
Tổng	1.054.465.453	11.199.452

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi vay	9.847.635.119	11.975.757.552
Phí bảo lãnh	635.000.005	781.356.168
Tổng	10.482.635.124	12.757.113.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	20.205.459.056	23.964.361.499
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.060.011.649	1.451.273.468
Khấu hao tài sản cố định	5.394.834.138	7.846.397.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.548.750.411	5.421.386.264
Chi phí khác bằng tiền	10.157.078.948	12.866.573.663
Tổng	43.366.134.202	51.549.992.424

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	15.464.994.008	17.131.209.517
Chi phí nhiên liệu, nguyên vật liệu, CCDC	294.624.330	499.175.927
Khấu hao tài sản cố định	1.028.823.401	1.486.637.910
Thuế, phí và lệ phí	246.943.750	354.852.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.675.668.889	1.289.214.329
Chi phí khác bằng tiền	7.676.413.190	9.415.353.186
Tổng	26.387.467.568	30.176.443.182

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	5.543.974.870	1.435.037.505
Hoa hồng đại lý bảo hiểm	11.723.559	42.613.336
Thanh lý tài sản cố định	1.252.648.484	45
Hợp tác kinh doanh	1.536.545.455	1.137.727.273
Xử lý hàng thừa	144.936.538	2.928.960
Bảo hiểm chi trả bồi thường	2.559.279.227	-
Thu nhập khác	38.841.607	251.767.891
Chi phí khác	4.425.609.081	2.448.426.273
Phạt, lãi chậm nộp thuế	30.831.320	711.481.667
Giá trị còn lại tài sản cố định, công cụ dụng cụ	2.971.636.707	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	760.049.721	-
Chi phí bồi thường	343.122.151	-
Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	149.683.304	679.416.342
Chi phí khác	170.285.878	1.057.528.264
Lợi nhuận khác	1.118.365.789	(1.013.388.768)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.307.166.506	6.433.807
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	-	2.423.072.763
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.307.166.506	2.429.506.570

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Cổ đông Công ty mẹ	2.956.909.877	(8.090.372.889)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	2.956.909.877	(8.090.372.889)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.601.266	6.455.335
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	389,00	(1.253,28)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, CCDC	4.385.420.840	7.667.724.601
Chi phí nhân công	38.253.452.813	43.279.046.424
Khấu hao tài sản cố định	8.950.870.817	9.854.772.555
Thuế, phí và lệ phí	239.257.443	302.346.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.815.533.885	10.113.968.022
Chi phí khác bằng tiền	19.882.474.899	26.613.005.248
Tổng	82.527.010.697	97.830.863.268

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm

Chuyển nợ (trái phiếu chuyển đổi) thành vốn chủ sở hữu trong năm 2021 là: 17.427.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Xăng dầu khu vực I - Công ty TNHH	Cổ đông lớn
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Công ty liên kết
Nguyễn Trọng hậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2021)
Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT
	Phó Tổng Giám đốc
Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT
Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Phạm Thị Liên Hương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Đậu Ngọc Nhân	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Phụ trách công bố thông tin
Nguyễn Công Lương	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Cán Duy Hưng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8.2 Giao dịch với các bên liên quan

a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Trọng hậu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	24.000.000	48.000.000
Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/06/2020)	-	24.000.000
Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	24.000.000	-
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	-	-
Tổng		132.000.000	120.000.000

Phụ cấp của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	-
Phạm Thị Liên Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	-
Đậu Ngọc Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	18.000.000	6.000.000
Nguyễn Công Lương	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Cán Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Tổng		78.000.000	78.000.000

Tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Hữu Yên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2021)	317.770.000	-
Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc	356.726.134	470.893.180
Nguyễn Công Lương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	295.837.783	354.169.359
Đậu Ngọc Nhân	Phụ trách công bố thông tin	287.670.891	382.872.113
Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2021)	945.689.920	1.104.894.956
Phạm Thị Liên Hương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	274.568.115	441.307.353
Tổng		2.478.262.843	2.754.136.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8.2 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan			Năm 2021	Năm 2020
Mua hàng	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	Mua xăng, dầu	1.091.012.344.809	1.037.481.739.222

Bên liên quan			Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Bán xăng dầu	7.503.206.636	7.980.291.109

c) Số dư với các bên liên quan

Phải thu với Bên liên quan			31/12/2021	01/01/2021
Mối quan hệ	Nội dung số dư	VND	VND	
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	3.401.211.320	4.780.174.820
Tổng			3.401.211.320	4.780.174.820

Phải trả Bên liên quan			31/12/2021	01/01/2021
Mối quan hệ	Nội dung số dư	VND	VND	
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	Phải trả người bán	35.972.291.469	53.911.061.784
Tổng			35.972.291.469	53.911.061.784

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Nguyễn Công Lương

Nguyễn Hữu Yên